

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, TC nuôi con
giữa chị P và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Trang

Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Mai Vi Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2024; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1994; địa chỉ: xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện đang tạm giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh H(B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam)

(Tại phiên tòa chị P, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P1 và anh Phạm Văn H1 kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 26/8/2014. Anh Hoàng v vào nghiệp ma túy không chăm lo gia đình, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Anh đã bị xét xử về tội ma túy và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Nay chị xác định

không thể chung sống với anh **H1** được nữa nên xin ly hôn anh **H1**.

Về con chung: Anh chị đã có hai con chung là **Phạm Gia H2**, sinh ngày 13/02/2015 và **Phạm Huyền A**, sinh ngày 10/4/2018, hiện con đang ở với chị. Nay ly hôn chị xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Chị đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Anh **Phạm Văn H1** có bản khai trình bày: Anh và chị **P1** kết hôn tự nguyện có đăng ký tại **UBND xã X** ngày 26/8/2014. Quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Anh làm nghề lái xe tải nên thường xuyên vắng nhà mỗi tháng chỉ về thăm vợ con được 2 đến 3 lần, mỗi lần 2 đến 3 ngày. Anh chị có 2 con chung là **Phạm Gia H2**, sinh ngày 13/02/2015 và **Phạm Huyền A**, sinh ngày 10/4/2018 hiện đang ở với chị **P1**; Bản thân anh cả bố và mẹ đã mất, anh thì đang chấp hành án trong trại giam nên khi ly hôn anh ủy quyền cho chị **P1** nuôi dưỡng hai con cho đến khi anh chấp hành án xong trở về với địa phương và xã hội. Anh và chị **P1** không có tài sản chung, không nợ gì ai nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị P** và anh **Phạm Văn H1**. Giao chị **P** tiếp tục nuôi cháu **Phạm Gia H2**, sinh ngày 13/02/2015 và **Phạm Huyền A**, sinh ngày 10/4/2018, chấp nhận chị không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đang chấp hành án, có đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Phạm Thị P** và anh **Phạm Văn H1** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh nghiện ma túy dẫn đến phạm tội phải đi chấp hành án tại trại giam. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy chị đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về con chung: Chị xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh cấp dưỡng

nuôi con, anh cũng đề nghị để chị nuôi cả hai con vì anh đang đi chấp hành án, bố mẹ anh đều đã mất. Do đó giao 2 con cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp; chấp nhận chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **Phạm Thị P** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; **khoản 1 Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị P** và anh **Phạm Văn H1**.

2. Về con chung: Giao chị **P** trực tiếp nuôi cháu **Phạm Gia H2**, sinh ngày 13/02/2015 và **Phạm Huyền A**, sinh ngày 10/4/2018, chấp nhận chị không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị P** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000161 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Phạm Thị P** và anh **Phạm Văn H1** **có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Xuân Trường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quỳnh